

*Nhân Kỷ niệm 70 năm ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946 - 19/12/2016)*

## NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH TRONG BỨC TRANH VĂN NGHỆ VIỆT NAM THỜI CHỐNG PHÁP Ở VIỆT BẮC - THỦ ĐÔ KHÁNG CHIẾN (1945-1954)

**The main events in the picture of Vietnamese literary-artistry in the period of the french resistance in Viet Bac - the capital of resistance (1945-1954)**

*Ngày nhận bài: 20/10/2016; ngày phản biện: 28/10/2016; ngày duyệt đăng: 22/3/2017*

**Phong Lê\***

### TÓM TẮT

Tổng thể bức tranh văn hóa - văn nghệ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám - 1945 đến chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 ở Việt Bắc - thủ đô kháng chiến chống Pháp.

Các hoạt động về tổ chức, xây dựng đội ngũ, tranh luận, phong trào sáng tác; và các Giải thưởng về văn học - nghệ thuật ở Việt Bắc và các địa phương trong cả nước.

**Từ khóa:** Văn hóa - văn học - nghệ thuật; kháng chiến; đội ngũ - phong trào; sáng tác - tranh luận và Giải thưởng.

### ABSTRACT

The general picture of Vietnamese literary-artistry from after August Revolution in 1945 to Dien Bien Phu victory in 1954 in Viet Bac - the capital of French resistance.

There are many activities such as staff organizing and developing, composing movement, and literary-artistry awards in Viet Bac and other places nationwide.

**Keywords:** culture-literary-artistry; resistance; composing movement; composing-discussing and awards

Năm 2016 là năm kỷ niệm 70 năm ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946). Tôi muốn nhân dịp này ôn lại những sự kiện tiêu biểu đã diễn ra ở “thủ đô gió ngàn” Việt Bắc, nơi có “Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào”, từ 1945 cho đến 1954, gần 10 năm cho sự ra đời một nền văn hóa, văn học - nghệ thuật mới, thoát ra khỏi bóng tối của chủ nghĩa thực dân - phong kiến mà hướng tới các mục tiêu dân tộc và dân chủ, như được kết tinh trong *Tuyên ngôn độc lập* bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhìn tổng thể thời kỳ 1945-1954 đi qua các mốc lịch sử như sau:

- Từ Cách mạng tháng Tám - 1945 đến Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946.

- Từ 1947 đến 1950.

- Từ 1950 đến 1954.

Cách mạng tháng Tám thành công, chế độ dân chủ cộng hòa ra đời, trong tình thế lịch sử rất khó khăn bởi thù trong, giặc ngoài. Thực dân Pháp được phe Đồng minh ủng hộ lần le xâm lược trở lại. Nền kinh tế kiệt quệ sau nạn đói hai triệu người chết. Đời sống văn hóa ở vào trình độ rất thấp, với trên 95% số dân mù chữ. Những di sản của chế độ phong kiến và thực dân để lại còn rất nặng nề.

Thế nhưng sau hàng ngàn năm trong tình trạng phong kiến lạc hậu, và hàng trăm năm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, lần đầu tiên dân tộc Việt Nam được hưởng hạnh phúc độc lập, tự do. Ba khẩu hiệu: chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm do Hồ Chủ tịch đề ra, đã được thực hiện trong hoạt động

\*Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

của hàng triệu công dân Việt<sup>(1)</sup>. Phong trào xây dựng Đời sống mới và công cuộc thanh toán nạn mù chữ làm thay đổi rất nhanh chóng đời sống văn hóa - tinh thần của nhân dân cả nước. Những sáng tạo trong lĩnh vực văn học - nghệ thuật cũng sớm xuất hiện trong văn, thơ, nhạc, họa... trên tâm trạng phấn khởi, hồ hởi của gần như tất cả các tầng lớp trí thức văn hóa, văn nghệ sĩ trước đó đang đi vào những bế tắc trong hoạt động, dẫu thuộc về khuynh hướng nào, trong ba khuynh hướng làm nên diện mạo văn hóa, văn học, nghệ thuật thời kỳ 1930-1945, đó là khuynh hướng lãng mạn, khuynh hướng hiện thực và khuynh hướng cách mạng.

Chính quyền dân chủ cộng hòa do Hồ Chủ tịch lãnh đạo đã rất kiên trì gìn giữ hòa bình, nhưng thực dân Pháp đã phản bội các hiệp ước được ký kết, và gây hấn khắp nơi. Từ 23-9-1945 tiếng súng đã nổ ở Nam Bộ. Đồng bào miền Nam đã chính thức bước vào cuộc chiến chống Pháp, sau hơn một tháng có hòa bình. Hơn một năm sau, kể từ 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra, sau Lời kêu gọi vang động núi sông của Hồ Chủ tịch: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Như vậy cuộc kháng chiến chống Pháp trên phạm vi toàn quốc đã chính thức diễn ra từ 19-12-1946, và kết thúc với Đại thắng Điện Biên Phủ tháng 5-1954. Cuộc “kháng chiến chín năm” với “ba ngàn ngày không nghỉ” (thơ Tố Hữu) đã diễn ra qua *ba giai đoạn*: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công<sup>(2)</sup>. Tương ứng với ba giai đoạn kháng chiến, đời sống văn hóa, văn học, nghệ thuật từ 1945 đến 1954 cũng có một hành trình qua ba thời kỳ: 1945-1946; 1947 đến 1950; và 1950-1954; trong đó thời kỳ 1945-1946 có sự giao thoa giữa chiến tranh và hòa bình.

<sup>(1)</sup> Nhiệm vụ chống ba loại giặc này được Hồ Chủ tịch nhắc nhở nhiều lần, cho đến *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951): “Thi đua mọi mặt, nhưng nhằm ba điểm chính: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm”.

<sup>(2)</sup> Giai đoạn phòng ngự: từ 23-9-1945 đến hết chiến dịch Việt Bắc, thu - đông 1947; Cầm cự - từ cuối 1947 đến 2-1951, khi Đảng ra công khai và tiến hành Đại hội; đổi tên Đảng Lao động Việt Nam; Tổng phản công - từ 1952 đến chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 5-1954.

## 1. Thời kỳ 1945-1946

### • Từ “*Đề cương về văn hóa Việt Nam 1943*”...

Trước khi đi vào *chặng đường lớn* bắt đầu từ Cách mạng tháng Tám, cũng cần ôn lại một ít tình hình văn hóa trước 1945 với sự kiện quan trọng là việc Đảng Cộng sản Đông Dương công bố *Đề cương về văn hóa Việt Nam - 1943*; và việc thành lập Hội văn hóa cứu quốc góp phần tích cực trong việc vận động giới trí thức văn hóa, khoa học, văn học, nghệ thuật gia nhập Mặt trận Việt Minh, đóng góp vào thành công của Tổng khởi nghĩa tháng Tám - 1945.

*Đề cương về văn hóa 1943* là văn kiện chuyên về hoạt động văn hóa trong bối cảnh và trước yêu cầu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, với quan niệm: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa), ở đó người cộng sản phải hoạt động”. Đồng thời, khi nhằm vào mục tiêu cứu dân tộc, Đảng cũng cho thấy, đó là con đường duy nhất cứu nền văn hóa dân tộc: “Văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới”.

Với ba phương châm: dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa, *Đề cương về văn hóa năm 1943* đã có sức tập hợp rộng rãi đội ngũ trí thức vào các hoạt động yêu nước, như thành lập Hội văn hóa cứu quốc; tham gia Mặt trận Việt Minh; tuyên truyền chống phát xít; viết bài cho các báo chí bí mật; sáng tác và phổ biến những tác phẩm trực tiếp cổ vũ cho cuộc Tổng khởi nghĩa đang đến gần như thơ của Tố Hữu, nhạc của Văn Cao (*Tiến quân*

ca), Nguyễn Đình Thi (*Diệt phát xít*), Đỗ Nhuận (*Du kích ca*)...

Theo sự chỉ đạo và tổ chức của những người thay mặt Đảng như Trường Chinh, Lê Quang Đạo, Vũ Quốc Uy, Trần Quốc Hương, Trần Độ, Khuất Duy Tiến... Đảng đã tập hợp được một đội ngũ rộng rãi và đông đảo trí thức chung quanh Hội văn hóa cứu quốc, gồm những tên tuổi như: Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Như Phong, Văn Cao, Đỗ Nhuận, Phạm Văn Khoa, Nam Cao, Dương Đức Hiền, Kim Lân, Nguyên Hồng, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Trần Đình Thọ, Nguyễn Đỗ Cung, Ngô Huy Quỳnh, Trần Văn Cẩn...

Các thành viên của Hội văn hóa cứu quốc đều được phân công đảm trách công việc ở các cơ quan văn hóa, giáo dục và các tòa soạn báo như *Cứu quốc*, *Cờ giải phóng*; cho ra mắt tờ tạp chí *Tiên phong*; thành lập Nhà xuất bản *Cứu quốc*, in những sáng tác mới như *Luống cày*, *Chí Phèo*, *Ngọn quốc kỳ*, *Hội nghị non sông*, *Thơ Tố Hữu*; tổ chức Triển lãm mỹ thuật năm 1945, và một năm sau là Triển lãm mỹ thuật toàn quốc; tổ chức biểu diễn những vở kịch đề tài cách mạng như *Tô Hiệu* của Nguyễn Công Mỹ, *Bác Sơn* của Nguyễn Huy Tưởng...

Phong trào Nam tiến diễn ra ngay sau ngày Nam Bộ kháng chiến đã thu hút rất nhiều nghệ sĩ tham gia như Nguyễn Tuân, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Đỗ Cung...

Từ ảnh hưởng của *Đề cương về văn hóa năm 1943* và hoạt động của Hội văn hóa cứu quốc, sau ngày Cách mạng thành công, đời sống văn hóa, văn học - nghệ thuật dân tộc chuyển sang một giai đoạn mới, thực sự khởi sắc trên tinh thần dân tộc, đại chúng và khoa học; và trong ý thức mở rộng khối đoàn kết của đội ngũ. Từ hạt nhân trung tâm là Hội văn hóa cứu quốc, đã thành lập Ủy ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc.

### • ... đến Đại hội văn hóa cứu quốc và Đại hội văn hóa toàn quốc

Thành lập từ 1943, Hội văn hóa cứu quốc - tập hợp những trí thức sớm được tiếp xúc với Mặt trận Việt Minh và có quá trình tham gia vào các hoạt động chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa, đã tổ chức Đại hội lần thứ nhất vào tháng 9 - 1945. Hơn một năm sau, trong hai ngày 12 và 13 - 10 - 1946, diễn ra Đại hội lần thứ hai. Đại hội đã bầu một Ban Chấp hành, gồm:

Chủ tịch: Đặng Thai Mai

Tổng thư ký: Hoài Thanh

Phó Tổng thư ký: Tố Hữu

Các ủy viên: Văn Cao, Ngô Quang Châu, Nguyễn Đỗ Cung, Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Văn Ty, Chế Lan Viên.

Ủy viên dự khuyết: Trương Chính, Minh Đạo, Lưu Quý Kỳ

Nhìn vào danh sách Ban Chấp hành, sau hơn một năm hoạt động, Hội văn hóa cứu quốc đã có sự mở rộng địa bàn hoạt động và đội ngũ. Nhưng trên tinh thần đoàn kết toàn dân, việc tập hợp đội ngũ cần tiếp tục mở rộng hơn nữa, để có sự tham gia của nhiều lĩnh vực văn hóa, khoa học - gồm cả khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, văn học - nghệ thuật, nên, sau Đại hội văn hóa cứu quốc, đã diễn ra Đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, tại Hà Nội.

Đại hội dự kiến họp từ 24-11 đến 1-12-1946. Nhưng do tình hình căng thẳng: Pháp khiêu khích nổ súng ở Lạng Sơn, Hải Phòng, xóa bỏ Hiệp định sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14 - 9, nên Đại hội đã phải bế mạc ngay trong buổi chiều chủ nhật 24-11-1946.

Sự kiện rất đáng chú ý là, trong tình hình căng thẳng ấy, Hồ Chủ tịch đã đến dự và nói chuyện với Đại hội. Hội nghị đã ra quyết nghị ủng hộ Chính phủ liên hiệp quốc dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu<sup>(3)</sup>. Quyết nghị

<sup>(3)</sup> Ngày 3-11-1946, Quốc hội nhất trí công nhận Chính phủ liên hiệp quốc dân do Hồ Chủ tịch thành lập và đứng đầu; để thay cho Chính phủ được lập ra ngày 2-3-1946 (không có sự tham gia của một số đảng phái chống Việt Minh).

thành lập một Ủy ban văn hóa toàn quốc có nhiệm vụ tiếp tục công việc của Hội nghị, tổ chức việc liên hệ với các giới văn hóa trong và ngoài nước, lập các tiểu ban nghiên cứu về văn hóa, tìm ra đường lối mới cho công việc sáng tác, và khi tình thế ổn định, sẽ triệu tập Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai.

## 2. Thời kỳ 1947-1950

Từ 1947, hoạt động văn hoá của dân tộc rời thủ đô và các đô thị lớn lên chiến khu Việt Bắc và về các vùng hậu phương nông thôn. Năm kháng chiến đầu tiên vào xuân Đinh Hợi ngày 1-1-1947, cả nước đón thơ xuân của Bác Hồ, trong tư thế chủ động bước vào giai đoạn phòng ngự:

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió  
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông  
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến  
Chi ta đã quyết, lòng ta đã đồng  
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!  
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông  
Trùng kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi  
Thống nhất độc lập nhất định thành công.*

Giữa năm, ngày 25-5-1947, Hồ Chủ tịch viết *Thư gửi anh em văn hoá và trí thức Nam Bộ*; và tiếp đó, tháng 10-1947, Hồ Chủ tịch (dưới bút danh X.Y.Z) viết *Sửa đổi lối làm việc*.

Qua hai văn kiện này, ta có thể thấy tầm nhìn bao quát và thấu đáo của Hồ Chủ tịch về những vấn đề lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc đã sớm được đặt ra ngay sau khi chính quyền dân chủ mới, mới chỉ có tuổi đời hai năm.

**• Công việc tổ chức đội ngũ trí thức văn hoá, khoa học, văn học, nghệ thuật và Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ II**

Từ 1948 - là năm sự nghiệp văn hoá, văn nghệ đi vào giai đoạn tổ chức lực lượng, qua các Đại hội.

Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ 2 tổ chức trong các ngày từ 16 đến 20-7-1948 tại Việt Bắc. Hơn 200 đại biểu thuộc đủ các ngành văn hoá ở Trung ương và một số khu xa đã về dự. Nhiều vấn đề đã được báo cáo, thuyết trình và nêu lên thảo luận tại các tiểu ban: giáo dục, văn nghệ, ngôn ngữ, khoa học xã hội. Tại hội nghị này, đồng chí Trường Chinh - lúc đó là Tổng bí thư của Đảng - đã rút vào bí mật và hoạt động dưới danh nghĩa là Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác<sup>(4)</sup> - đã đọc bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*. Sau *Đề cương về văn hoá Việt Nam* (1943), đây là lần đầu tiên những vấn đề cơ bản và cấp bách của văn hoá Việt Nam được đặt ra một cách toàn diện và thấu đáo dưới ánh sáng quan điểm mácxít.

Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành Hội văn hoá Việt Nam, và bầu Hồ Chủ tịch làm Hội trưởng danh dự. Trong Thư gửi Đại hội của Hồ Chủ tịch, có đoạn viết:

“Nhiệm vụ văn hoá chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của nhân dân, mà còn phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới biết. Các nhà văn hoá ta phải có những tác phẩm xứng đáng chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền những gương mẫu oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho con cháu đời sau”.

Ban Chấp hành được Đại hội bầu, gồm có:

- Đại biểu khoa học tự nhiên: Trần Đại Nghĩa, Phạm Đình Ái, Đặng Phúc Thông, Tôn Thất Tùng.

- Đại biểu khoa học xã hội: Nguyễn Khánh Toàn, Trần Công Tường, Trần Văn Giáp.

- Đại biểu giáo dục: Nguyễn Như Kon Tum, Nguyễn Công Mỹ, Phạm Thiều, Thục Viên.

- Đại biểu văn học: Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Trần Huy Liệu, Đoàn Phú Tứ, Hoàng Xuân Nhị, Đỗ Đức Dục.

(4) Đảng tuyên bố tự giải tán, tức là rút vào bí mật, để chuyển sang Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác vào ngày 11 - 11 - 1946. Hội hoạt động cho đến tháng 2 - 1951, là thời điểm Đảng trở lại hoạt động công khai và tổ chức Đại hội, lấy tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. Về sau, ta quen gọi đây là Đại hội Đảng lần thứ II.

- Đại biểu các ngành nghệ thuật: Thế Lữ (sân khấu), Tô Ngọc Vân (mỹ thuật), Nguyễn Xuân Khoát (âm nhạc), Nguyễn Cao Luyện (kiến trúc), Văn Cao.

Ban Chấp hành đã cử ra một Ban Thường vụ, gồm:

Hội trưởng: Đặng Thai Mai

Tổng thư ký: Hoài Thanh

Ủy viên: Nguyễn Như Kon Tum, Tô Ngọc Vân, Trần Huy Liệu, Đoàn Phú Tứ, Trần Văn Giáp.

**• Đại hội văn nghệ toàn quốc và hoạt động của các hội chuyên ngành văn học, nghệ thuật**

Sau Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ hai, là Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất, diễn ra trong các ngày từ 23 đến 25-7-1948 tại Việt Bắc. Hơn 80 văn nghệ sĩ đại biểu cho các ngành văn học, sân khấu, âm nhạc, kiến trúc, mỹ thuật đã về dự. Hội nghị đã đánh giá tình hình hoạt động văn nghệ mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp, thống nhất phương hướng hoạt động của giới văn nghệ nhằm vào ba phương châm: dân tộc, đại chúng và khoa học.

Hội nghị tuyên bố chính thức thành lập Hội văn nghệ Việt Nam và bầu ra Ban chấp hành, gồm:

Tổng thư ký: Nguyễn Tuân

Phó Tổng thư ký: Tố Hữu

Ủy viên kinh tế: Võ Đức Diên

Ủy viên quân sự: Ngô Quang Châu

Ủy viên tổ chức và kiểm tra: Xuân Diệu

Đại biểu các ngành:

Mỹ thuật: Trần Văn Cẩn

Sân khấu: Thế Lữ

Đại biểu các khu:

Khu I: Ngô Tất Tố

Khu III: Lê Hữu Kiền

Khu IV: Lưu Trọng Lư

Khu X: Tạ Mỹ Duật

Nam Trung Bộ: Nguyễn Đỗ Cung

Nam Bộ: Hoàng Xuân Nhị, Huỳnh Văn Gấm

Từ Đại hội văn nghệ toàn quốc, đưa tới sự thành lập Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam và Đoàn Sân khấu Việt Nam.

Trước đó, vào tháng 4-1948 Đoàn Kiến trúc sư đã được thành lập.

Cơ quan Hội văn nghệ Việt Nam đóng tại Gia Điền, Hạ Hoà, Phú Thọ; năm 1949 chuyển sang xóm Chòi - Yên Giã - Thái Nguyên; từ 1950, chuyển sang Thượng Uyển, Tuyên Quang.

Cơ quan ngôn luận của Hội văn nghệ là *Tạp chí Văn nghệ* được chuẩn bị sớm, với số 1, ra mắt tháng 3-1948.

Cùng với tờ *Tạp chí Văn nghệ*, còn có Nhà xuất bản Văn nghệ, do Nguyễn Đình Thi làm Giám đốc. Đây là nơi đã cho ấn hành tất cả những sáng tác mới của đội ngũ viết, trong đó có rất nhiều tác phẩm nổi tiếng làm nên diện mạo văn học kháng chiến như Nguyễn Tuân, Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Ngô Tất Tố, Phan Khôi...

Trường Văn nghệ nhân dân, cơ sở đào tạo người viết trẻ do Nguyên Hồng làm Hiệu trưởng, khai mạc khoá đầu tiên từ 19 - 4 - 1950 đến 21 - 6 - 1950, có 270 học viên; với chương trình học bao gồm 4 khu vực: văn học, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu. Ra trường, học viên có thể biết làm thơ, ca dao, viết ký, đọc nhạc, thổi sáo, đánh trống, vẽ tranh cổ động, đóng và dàn dựng kịch...

Đoàn Sân khấu, với hạt nhân trung tâm là Đoàn kịch Chiến thắng, dựng các vở: *Người đàn bà* của Bùi Huy Phồn, *Cụ đạo*, *Sư ông* của Thế Lữ, *Nguyễn Huệ* của Thanh Tịnh, *Một nghìn ngày kháng chiến* của Lưu Quang Thuận, và đi diễn ở nhiều nơi; từ Việt Bắc đến Khu III, Khu IV...

Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam ra tờ *Tin nhạc*, và tích cực gây dựng phong trào ca nhạc ở các vùng nông thôn tự do, trong các đơn vị cơ quan, trường học, xí nghiệp. Nhiều bài hát được phổ cập sâu rộng trong sinh hoạt văn hoá của quần chúng, như *Diệt phát xít*, *Tiến quân*

*ca, Du kích ca, Vì nhân dân quên mình, Quê em, Nam Bộ kháng chiến...*

Xưởng hoạ do hoạ sĩ Tô Ngọc Vân làm Giám đốc, đóng vai trò nòng cốt trong các cuộc triển lãm hội hoạ...

Ngoài Trường Văn nghệ nhân dân, Hội Mỹ thuật và Hội Âm nhạc cũng thành lập cơ sở đào tạo của Hội, mang tên Trường Mỹ thuật Việt Bắc và Trường Âm nhạc Việt Bắc.

Sau ngày Hội văn nghệ Việt Nam ra đời, ở các khu dần dần thành lập các chi hội văn nghệ. Ngoài việc tổ chức, vận động sáng tác tuyên truyền phục vụ kháng chiến, các chi hội còn có nhiệm vụ xây dựng phong trào, hướng dẫn, bồi dưỡng, đào tạo những hạt nhân văn nghệ cho các phân hội ở các tỉnh, thành phố và cơ sở.

Đó là Chi hội văn nghệ Việt Bắc, do nhà văn Ngô Tất Tố làm Chi hội trưởng.

Chi hội văn nghệ Liên khu III ở Thái Bình, do hoạ sĩ Lương Xuân Nhị làm Chi hội trưởng. Một thời gian sau, do đề nghị của Thành uỷ Hà Nội, Chi hội văn nghệ Liên khu III đổi tên là Chi hội văn nghệ Liên khu III và Hà Nội. Chi hội ra tờ *Lá lúa*.

Chi hội văn nghệ Liên khu IV do nhà thơ Lưu Trọng Lư làm Chi hội trưởng, có tiền thân là Đoàn văn hoá kháng chiến Liên khu IV do Đặng Thai Mai đứng đầu, đóng trụ sở ở Quận Tín - Thanh Hoá. Tại đây, Đoàn đã tổ chức nhiều khoá văn nghệ kháng chiến, mỗi khoá 4 tháng, do Đặng Thai Mai làm Hiệu trưởng. Giảng viên gồm tất cả những tên tuổi tiêu biểu trên khắp các lĩnh vực thơ, văn, báo chí, sân khấu, nhạc, hoạ... Cuối khoá, học viên được đi thực tế sáng tác. Từ trung tâm đào tạo này đã xuất hiện nhiều văn nghệ sĩ tiêu biểu cho lực lượng văn nghệ kháng chiến như Hoàng Trung Thông, Vũ Tú Nam, Trần Hữu Thung, Xuân Hoàng, Minh Huệ, Đình Quang... Chi hội ra tờ *Thép mới*.

Chi hội văn nghệ Liên khu V thành lập năm 1950, do Phan Thao làm Chi hội trưởng, Chi hội ra tờ *Văn nghệ Liên khu V*.

Chi hội văn nghệ Nam Bộ thành lập năm 1949, do Lưu Quý Kỳ làm Chi hội trưởng, Chi hội ra tờ *Lá lúa*.

#### **•Hội nghị Văn nghệ bộ đội và phong trào Văn nghệ sĩ đầu quân**

Hội nghị Văn nghệ bộ đội được tổ chức trong các ngày từ mùng 9 đến 14-9-1949 tại Việt Bắc. Đại biểu dự hội nghị, ngoài các bạn viết trong quân đội còn có nhiều nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp. Hội nghị tập trung chủ yếu vào vấn đề văn nghệ phục vụ bộ đội, phục vụ chiến đấu và phát triển phong trào văn nghệ trong bộ đội. Các bản thuyết trình *Diễn hình bộ đội* của Tân Sắc, *Văn thơ bộ đội* của Thâm Tâm, *Văn nghệ đột kích* của Minh Bắc được bàn bạc, thảo luận sôi nổi.

Kết thúc hội nghị, nhà thơ Tố Hữu và nhà viết kịch Thế Lữ chính thức gia nhập bộ đội, mở đầu phong trào Văn nghệ sĩ đầu quân.

Từ phong trào Văn nghệ sĩ đầu quân, lực lượng văn nghệ sĩ có dịp tham gia các chiến dịch lớn, đến với các chiến trường, thâm nhập cuộc chiến đấu ở những mũi nhọn, để từ đó, sáng tạo nên những tác phẩm mới trên các lĩnh vực thơ, văn, nhạc, hoạ... đánh dấu sự trưởng thành và phát triển lên tầm cao của nền văn hoá mới được khai sinh từ Tháng Tám - 1945.

Cũng trong phong trào Văn nghệ bộ đội và Văn nghệ sĩ đầu quân, một đội ngũ người viết mới hình thành - những nhà văn mặc áo lính, rồi sẽ đóng vai trò chủ công trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, với những tên tuổi tiêu biểu như Trần Đăng, Hoàng Lộc, Chính Hữu, Hữu Mai, Hồ Phương, Vũ Cao, Nguyễn Ngọc, Nguyễn Khải, Nguyễn Thi, Đỗ Nhuận, Hoàng Vân, Huy Du, Nguyễn Đức Toàn...

#### **•Hội nghị tranh luận văn nghệ Việt Bắc và các vấn đề lý luận đặt ra trong thời kháng chiến chống Pháp**

Hội nghị diễn ra trong các ngày từ 25 đến 28-9-1949 tại Việt Bắc, nhằm mục đích thảo luận đề đi tới thống nhất về các vấn đề còn vướng mắc trong văn nghệ, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm

của các chuyến đi thực tế, và chuẩn bị cho văn nghệ sĩ thực hiện những nhiệm vụ đặt ra cho giai đoạn mới của cuộc kháng chiến: giai đoạn chuẩn bị cho cuộc Tổng phản công sẽ được bắt đầu bằng Chiến dịch Biên giới - 1950, giải phóng ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng...

Hội nghị đã họp 11 phiên trong 4 ngày. Tại phiên khai mạc, Tố Hữu đã đọc bản thuyết trình *Văn nghệ dân chủ mới*, nêu lên ba tính chất dân tộc, đại chúng, khoa học của nền văn nghệ mới và đề ra những nhiệm vụ lớn cho giới văn nghệ sĩ. Trong các phiên họp sau, hội nghị lần lượt thảo luận các vấn đề: Cách mạng tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt; Những chuyến đi thực tế; Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa; Vấn đề phê bình văn nghệ; Mấy quan điểm về âm nhạc; Nhận xét các tập sách: *Đường vui* (của Nguyễn Tuân) và *Thơ văn bộ đội*; Bàn về nhiếp ảnh và hội hoạ; Độc tấu của Thanh Tịnh; Phê bình thơ Nguyễn Đình Thi...

Bao nhiêu là vấn đề đã được xới lên, hoặc đã được bàn thảo trong 4 ngày... Một sinh hoạt văn nghệ rất có ý nghĩa trong giai đoạn mở đầu nền văn nghệ mới Việt Nam, dưới chính quyền dân chủ - nhân dân, trước khi diễn ra cuộc “hội nhập” vào phe xã hội chủ nghĩa - với hai đại diện lớn là Liên Xô, Trung Quốc, nhờ vào sự khai thông của Chiến dịch Biên giới - 1950.

### 3. Thời kỳ 1950-1954

#### • *Bước ngoặt của cuộc kháng chiến*

Chiến dịch Biên giới 1950 khai thông tình thế bị cô lập, gắn nối Việt Nam với Trung Quốc - Liên Xô, đồng thời mở ra giai đoạn Tổng phản công, tiến tới các chiến dịch lớn như Tây Bắc và Điện Biên Phủ; và Đại hội lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam vào tháng 2-1951 là những sự kiện lớn tạo nên một chuyển biến mới, *một bước ngoặt quyết định*, trong đời sống văn hoá, văn học nghệ thuật dân tộc từ sau 1950.

Phong trào Văn nghệ sĩ đầu quân tham gia các chiến dịch lớn và phong trào văn nghệ quần chúng phát triển sôi nổi trong các tầng lớp công nông binh, đã được ghi nhận trong Triễn lãm hội

hoạ 1951; trong văn thơ của Tố Hữu, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung...; trong âm nhạc của Đỗ Nhuận, Văn Chung, Tân Huyền, Nguyễn Đức Toàn...; trong phê bình tiểu luận của Hoài Thanh, Xuân Diệu...

Việc Đảng ra công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, với các nhiệm vụ cách mạng được đúc kết trong *Báo cáo chính trị* của Hồ Chủ tịch:

“-Xây dựng một Đảng Lao động Việt Nam rất mạnh mẽ

- Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn

- Xây dựng Việt Nam dân chủ mới

- Góp sức vào việc giữ gìn dân chủ thể giới và hoà bình lâu dài” đã là động lực lớn lao thúc đẩy cuộc sống vào một bước ngoặt căn bản trước hai nhiệm vụ phản đế và phản phong, phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng.

Gắn bó với thực tế qua các chuyến đi vào chiến trường; thâm nhập đời sống nông thôn và người nông dân trong phương thức “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm); thực hiện “thành khẩn” các cuộc chỉnh huấn để cải tạo tư tưởng và kiên định lập trường giai cấp công nhân trong khối đoàn kết công - nông - binh... đó là các cuộc vận động lớn trong sinh hoạt của các tầng lớp trí thức từ sau 1953, tất cả đã góp phần tích cực đưa cuộc kháng chiến đến Đại thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève về Đông Dương năm 1954. Trên chặng đường cuối này, thành tựu của văn hoá, văn nghệ được ghi nhận trong hai Giải thưởng lớn của Hội văn nghệ Việt Nam, là Giải thưởng 1951-1952 và Giải thưởng 1954-1955.

Thế nhưng, nếu như trong thực tiễn - nhiệm vụ *phản đế*, đã được thực hiện với một chiến công oanh liệt - “lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu” (Tố Hữu), giải phóng một nửa đất nước, thì nhiệm vụ *phản phong* nhằm giải phóng nông dân và đưa ruộng đất về cho dân cày đã phạm những sai lầm tả khuynh, gây nên nhiều thương tổn cho khối đoàn kết toàn

dân, và để lại nhiều hậu quả đáng tiếc trong đời sống tinh thần của dân tộc. Những hậu quả này còn kéo dài nhiều năm sau, trên miền Bắc, cho đến 1960 - năm diễn ra Đại hội Đảng lần thứ III định ra Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

• **Về Giải thưởng văn nghệ 1951 - 1952**

1. *Truyện và ký*

- Giải ngoại hạng: Toàn bộ *Truyện anh hùng và Chiến sĩ thi đua* do các nhà văn ghi chép theo các bản tự thuật của các chiến sĩ trong Đại hội thi đua toàn quốc - năm 1952.

- Giải nhất: *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm.

- Giải nhì: *Trận Thanh hương* của Nguyễn Khắc Thứ; *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi.

- Giải ba: *Con đường sống* của Minh Lộc; *Chiến thắng Cao Lạng* của Nguyễn Huy Tường.

- 03 giải khuyến khích.

2. *Thơ*

- Giải nhất: toàn bộ thơ ca kháng chiến của Tú Mỡ (dưới bút danh Bút chiến đấu).

- Giải nhì: tập thơ của Nông Quốc Chấn.

- Giải ba: tập thơ của Bàn Tài Đoàn.

- 04 giải khuyến khích.

3. *Kịch*

- Giải ba: *Chị Bắc giác ngộ* của Nguyễn Khắc Dực; *Bão biển* của Vũ Lăng

- 02 giải khuyến khích.

4. *Dịch*

- Giải ba: Toàn bộ các bản dịch về kịch của Thế Lữ; Hai bản dịch *Trời hừng và Trước lửa chiến đấu* của Ngô Tất Tố.

• **Về Giải thưởng văn nghệ 1954 -1955**

Giải thưởng này do Hội văn nghệ đề ra cho năm 1954 nhưng do hoàn cảnh hoà bình nên được gia hạn thêm đến đầu 1955. Số tác phẩm gửi đến gồm có 362 tập thơ, 108 truyện ký, 65 bản kịch, 56 bản dịch. Ban Giám khảo làm việc từ tháng 12-1955 đến 3-1956. Ngoài các tác phẩm được vào chung khảo còn chọn thêm một số tác phẩm mới đã in hoặc chưa in

trong năm 1955 có tác dụng phục vụ cuộc chiến đấu mới của dân tộc.

1. *Thơ*

- Giải nhất: *Việt Bắc* của Tố Hữu

- Giải nhì: *Đồng tháng Tám và Dặn con* của Trần Hữu Thung; *Ngôi sao* của Xuân Diệu; *Nụ cười chính nghĩa* của Tú Mỡ

- Giải ba: *Thơ chiến sĩ* của Hồ Khải Đại

- 04 giải khuyến khích

2. *Truyện*

- Giải nhất: *Đất nước đứng lên* của Nguyễn Ngọc; *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài.

- Giải nhì: *Truyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tường; *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng.

- Giải ba: *Cái lu* của Trần Kim Trắc.

- 03 giải khuyến khích.

Ngoài thơ, truyện, còn có các giải nhì, ba và khuyến khích cho các khu vực ký sự, phóng sự, kịch và dịch.

Cùng với Giải thưởng của Hội văn nghệ Trung ương, ở Liên khu V còn trao Giải thưởng văn nghệ Phạm Văn Đồng; và Nam Bộ là Giải văn nghệ Cửu Long giang.

Sau hai Giải thưởng lớn cho hoạt động văn học, thành tựu văn hoá, văn nghệ kháng chiến còn được tiếp tục trong Đại hội văn công toàn quốc được tổ chức ở Hà Nội vào đầu 1955, như một cuộc duyệt binh hùng vĩ đội quân văn hoá - văn nghệ tham gia vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Hồ Chủ tịch đã có thư khen Đại hội trên báo *Nhân dân* (3 - 1 - 1955); và Tố Hữu đã có bài tổng kết: *Phấn đấu cho chủ nghĩa hiện thực, tiến tới những tác phẩm nghệ thuật biểu dương cuộc sống mới, con người mới, người anh hùng mới của dân tộc*, đăng trên *Nhân dân* (từ 13 đến 17 tháng 2-1955). Từ đây, văn hóa, văn học - nghệ thuật chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn đất nước bị chia cắt thành hai miền, với hai chế độ chính trị khác nhau, trong bối cảnh một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai phe trên thế giới.

Cách mạng tháng Tám và kháng chiến



chống Pháp ghi những dấu ấn sâu đậm trên chặng đường mở đầu nền văn hoá - văn nghệ mới Việt Nam sau 1945. Ba phương châm: dân tộc hoá, đại chúng hoá, khoa học hoá; các khẩu hiệu: “Cách mạng hoá tư tưởng - Quần chúng hoá sinh hoạt”, “Kháng chiến hoá văn hoá. Văn hoá hoá kháng chiến” đã đưa lại một cảnh tượng thật sống động và lạc quan trong những năm kháng chiến cực kỳ gian khổ. Văn hoá, văn nghệ trở lại hoặc tiếp tục cắm sâu vào

đất, trên tinh thần dân tộc và hiện thực; văn nghệ muốn trở lại phô diễn những nguyện vọng bức thiết của nhân dân nên phải học lời ăn tiếng nói của nhân dân. Khởi động này thật sự có ý nghĩa nền tảng, đi cùng với sự phát triển của đời sống chính trị, văn học - nghệ thuật trong các thập niên tiếp theo sẽ vươn tới những chất lượng mới, nhằm đáp ứng các nhu cầu của cách mạng, trong tư cách một vũ khí; vừa từng bước thoả mãn các nhu cầu của chính bản thân nó, với các đặc trưng và thiên chức của văn chương - nghệ thuật.

*Tháng Tám - 2016*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Văn học (1984), *Văn học Việt Nam kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nxb Khoa học xã hội; Hà Nội;
2. Nhiều tác giả (1995), *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học 1945 - 1954 (hồi ký)*, 3 tập, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.